

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 639/GDĐT-TH

Quận 7, ngày 25 tháng 4 năm 2024

V/v hướng dẫn kiểm tra đánh giá định kỳ cuối HKII, kiểm tra đánh giá nghiệm thu và bàn giao chất lượng giáo dục, công tác chuẩn bị tổng kết năm học 2023-2024.

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường tiểu học (CL, NCL);
- Hiệu trưởng trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp tiểu học.

Căn cứ Công văn số 1268/GDĐT-TH ngày 26/10/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7 về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp Tiểu học kể từ năm học 2018 – 2019;

Căn cứ Công văn số 1394/GDĐT-TH ngày 08/12/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra định kỳ cuối học kỳ cấp tiểu học năm học 2022-2023;

Thực hiện Kế hoạch số 1209/KH-GDĐT-TH ngày 25/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7 về thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II, kiểm tra đánh giá nghiệm thu và bàn giao chất lượng giáo dục, công tác chuẩn bị tổng kết năm học 2023 – 2024, cụ thể như sau:

I. HƯỚNG DẪN VIỆC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ II

1. Mục tiêu

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan.

Tuyệt đối không tạo ra áp lực kiểm tra định kỳ đối với học sinh, chỉ xem như một hoạt động đánh giá thông thường dành cho các em.

2. Tổ chức ôn tập, phụ đạo cho học sinh

Các trường tiểu học cần xây dựng kế hoạch ôn tập cho học sinh và có kế hoạch phụ đạo riêng cho học sinh yếu kém; thông báo lịch kiểm tra, phối hợp cùng gia đình nhằm chuẩn bị các điều kiện học tập thật tốt cho học sinh. Tuyệt đối không chạy theo thành tích đề đối phó, gây áp lực, tạo không khí căng thẳng, nặng nề cho giáo viên, học sinh và gia đình các em.

Việc tổ chức ôn tập được thực hiện ngay trên lớp học, không giao bài tập về nhà đối với lớp học 2 buổi/ngày; không soạn đề cương, bài mẫu bắt buộc học sinh làm, không tổ chức học thuộc lòng bài mẫu. Giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh cách tự học, ôn tập.

3. Việc tổ chức kiểm tra định kì

3.1. Đối với lớp 1, 2, 3, 4

Thực hiện theo Điều 7 Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học. Đề kiểm tra phù hợp yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông đối với từng khối lớp, từng mạch kiến thức, kĩ năng và cách triển khai các mạch này trong sách giáo khoa nhà trường sử dụng, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập;
- Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự;
- Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống.

Giáo viên cần soạn ma trận đề trước khi soạn đề kiểm tra. Ma trận đề của mỗi giáo viên cần được tổ chuyên môn thống nhất, cán bộ quản lý xem và góp ý trước khi có thể sử dụng để biên soạn đề.

3.2. Đối với lớp 5

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1268/GDĐT-TH ngày 26/10/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7 về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp Tiểu học kể từ năm học 2018 – 2019.

3.3. Hướng dẫn cụ thể đối với từng môn học

Thực hiện theo các phụ lục tại Công văn số 1394/GDĐT-TH ngày 08/12/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì cấp tiểu học năm học 2022-2023.

3.4. Đối với đối tượng là học sinh học hoà nhập

Thực hiện nội dung chuyên môn theo hướng dẫn tại mục 3.3 nêu trên, tuy nhiên cần chú ý các nội dung sau:

- Học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập tùy theo dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật, được đánh giá như đối với học sinh không khuyết tật, có điều chỉnh yêu cầu cho phù hợp với dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật hoặc theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân. Tuyệt đối không cắt xén đề kiểm tra của học sinh không khuyết tật để sử dụng cho học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hoà nhập.

3.5. Thời gian kiểm tra

Trường tiểu học sắp xếp thời gian cho phù hợp, cân đối giữa các khối lớp theo lịch sau:

a. Khối 1, 2, 3, 4: tổ chức kiểm tra vào tuần 33, 34, 35 (theo phân phối chương trình).

b. Khối 5: Tổ chức kiểm tra theo lịch cụ thể như sau:

- Đối với các môn: Khoa học; Lịch sử - Địa lý; tiếng Anh; Tin học: vào tuần 33, 34, 35 (theo phân phối chương trình).

- Riêng môn tiếng Việt và Toán, cụ thể như sau:

Ngày thứ Ba, 14/5/2024: Môn Tiếng Việt

8 giờ – 9 giờ: - Tiếng Việt (viết)

9 giờ – 9 giờ 30 phút: - Giải lao

9 giờ 40 phút – 10 giờ 10 phút: - Tiếng Việt (đọc)

Ngày thứ Tư, 15/5/2024: Môn Toán (8 giờ – 8 giờ 45 phút).

3.6. Tổ chức thực hiện kiểm tra định kỳ

a. Đối với khối 1, 2, 3, 4: Hiệu trưởng thành lập Hội đồng kiểm tra và tổ chức thực hiện; chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên cùng khối lớp và giáo viên khối lớp trên cùng tham gia tổ chức kiểm tra, chấm bài cho học sinh.

b. Đối với khối 5

- Phòng Giáo dục và Đào tạo

+ Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra cấp quận để hướng dẫn, chỉ đạo cho các đơn vị và phân công cán bộ quản lý, giáo viên (dạy môn Ngữ văn và môn Toán) trường trung học cơ sở tham gia Hội đồng kiểm tra học sinh lớp 5 của các trường tiểu học.

+ Thành lập Hội đồng kiểm tra học sinh lớp 5 của trường tiểu học với thành phần như sau:

* Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng trường tiểu học.

* Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó hiệu trưởng trường tiểu học.

* Thành viên giám sát là Phó Hiệu trưởng trường THCS (hoặc 01 đại diện của trường THCS do Hiệu trưởng ủy quyền).

* Các Ủy viên là giáo viên trường tiểu học.

- Trường tiểu học

+ Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức coi kiểm tra.

+ Hiệu trưởng nhà trường và Hội đồng kiểm tra tiến hành phân công giám thị theo tiêu chí: giáo viên chủ nhiệm lớp làm Giám thị 2 và giáo viên khối lớp khác làm Giám thị 1.

+ Yêu cầu các thành viên trong Hội đồng kiểm tra tuyệt đối không được nhắc bài, giải bài trong suốt quá trình kiểm tra.

3.7. Cách thức tổ chức kiểm tra, chấm kiểm tra

a. Đối với khối 1, 2, 3, 4: Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (TT 27). Lưu ý:

- Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên khối lớp trên liên kế tổ chức kiểm tra. Việc chấm bài kiểm tra do giáo viên chủ nhiệm và giáo viên cùng khối lớp thực hiện; giáo viên khối lớp trên liên kế chấm thẩm định lại 10% bài kiểm tra của học sinh (đối với môn Toán và môn Tiếng Việt). Các môn học còn lại do Hiệu trưởng nhà trường quyết định.

- Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế, cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (Mười), không cho điểm 0 (Không) và điểm thập phân (làm tròn số theo qui định).

- Giáo viên không được tùy tiện nâng điểm, hạ điểm khi chấm bài làm của học sinh.

- Phần hướng dẫn chấm phải rõ ràng và có đáp án chính xác.

b. Đối với khối 5: Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT (TT 30) và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT (TT 22). Lưu ý:

- Giáo viên chủ nhiệm lớp làm Giám thị 2, giáo viên khối lớp khác của trường làm Giám thị 1. Việc chấm bài kiểm tra để giáo viên chủ nhiệm lớp làm Giám khảo 1, giáo viên khối 5 hoặc giáo viên khối khác trong trường làm Giám khảo 2. Giáo viên bậc trung học cơ sở do Phòng Giáo dục và Đào tạo cử về chấm thẩm định lại 10% bài kiểm tra của học sinh (đối với môn Toán và môn Tiếng Việt).

- Trường hợp điểm số bài kiểm tra chấm thẩm định có sai lệch so với điểm đã được giáo viên trường thống nhất, giáo viên chấm thẩm định báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng quyết định.

- Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế, cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (Mười), không cho điểm 0 (Không) và điểm thập phân (làm tròn số theo qui định).

- Giáo viên không được tùy tiện nâng điểm, hạ điểm khi chấm bài làm của học sinh.

- Phần hướng dẫn chấm phải rõ ràng và có đáp án chính xác.

- Sau khi có kết quả bài kiểm tra đánh giá định kì cuối năm học các môn học, các trường tiểu học phải phân công giáo viên tiếp nhận đơn của cha mẹ học sinh (nếu có) và hẹn thời gian trả lời chính xác. Các nội dung trả lời phải rõ ràng, cụ thể, đúng nội dung. Nhà trường luôn nhắc nhở giáo viên đón tiếp cha mẹ học sinh ân cần, thân thiện, tránh gây phiền hà cho cha mẹ học sinh.

Trường hợp có vấn đề bất thường thì báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng để xem xét, đề xuất hướng xử lý thích hợp và báo cáo cho Ban Chỉ đạo Kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo quyết định.

4. Kiểm tra định kỳ là hoạt động chuyên môn được thực hiện định kỳ trong quá trình giáo dục, do đó Hiệu trưởng cần nhắc nhở giáo viên không tạo áp lực cho học sinh và cha mẹ học sinh, không giao quá nhiều bài tập về nhà cho học sinh. Trên lớp, giáo viên ôn bài cho học sinh đầy đủ nhưng tránh học tù, học vẹt để hoàn thành tốt nhất bài kiểm tra.

5. Hiệu trưởng theo dõi, chỉ đạo việc kiểm tra và thống kê đánh giá, phân tích việc thực hiện để thông báo trong Hội đồng sư phạm về các mặt được, chưa được, những hạn chế phải khắc phục ở trường, lớp, từng thành viên trong hội đồng.

6. Phòng Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức kiểm tra việc thực hiện tại các trường và Hiệu trưởng chịu trách nhiệm không để xảy ra các sai sót trong suốt quá trình kiểm tra định kỳ. Các trường gửi kế hoạch kiểm tra qua email chuyên môn tiểu học (file pdf và file word) trước thời gian kiểm tra 4 ngày và gửi ma trận, đề kiểm tra, đáp án sau thời gian kiểm tra 5 ngày.

7. **Việc đánh giá định kì về năng lực, phẩm chất:** Tổ chức thực hiện theo hướng dẫn tại Phần IV - Mục 6. Đánh giá học sinh (Công văn số 3392/GDĐT-TH ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

8. **Đối với học sinh tại các trường hoà nhập và chuyên biệt:** Tổ chức thực hiện theo hướng dẫn tại Phần IV - Mục 7. Dạy học và đánh giá học sinh tại các trường hòa nhập và chuyên biệt (Công văn số 3392/GDĐT-TH ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

9. **Xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học:** Thực hiện đúng các điều kiện theo Điều 14 của TT 22 và Điều 11 của TT 27. Hiệu trưởng đảm bảo việc xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp của học sinh một cách chính xác, đúng trình độ của học sinh.

10. **Đối với học sinh chưa được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học, chương trình tiểu học:** Thực hiện theo mục b, mục c, Khoản 1, Điều 14 của TT 22 và mục b, mục c, Khoản 1, Điều 11 của TT 27 như sau:

10.1. Giáo viên lập danh sách, xây dựng kế hoạch phụ đạo phù hợp với từng đối tượng học sinh và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

10.2. Căn cứ vào kết quả cuối năm, giáo viên trực tiếp rèn luyện, hướng dẫn, giúp đỡ học sinh.

10.3. Sau thời gian học sinh được rèn luyện, hướng dẫn, giúp đỡ, giáo viên báo cáo tình hình và xin ý kiến Hiệu trưởng để tổ chức kiểm tra đánh giá bổ sung cho học sinh và xét hoàn thành chương trình lớp học.

10.4. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, giáo viên lập danh sách báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp.

Thời gian kiểm tra bổ sung: (dự kiến) từ 22/7/2024 đến 02/8/2024 (các lớp 1, 2, 3, 4).

II. ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI KHỐI 1, 2, 3, 4

Hiệu trưởng thành lập Hội đồng kiểm tra đánh giá, nghiệm thu và bàn giao chất lượng giáo dục học sinh cuối năm của trường, báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Giáo dục và Đào tạo quận.

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy lớp trao đổi với giáo viên sẽ nhận học sinh vào năm học tiếp theo về năng lực, phẩm chất của học sinh (điểm mạnh, điểm hạn chế), bàn giao hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định tại Điều 10 của TT 27.

III. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TỔNG KẾT NĂM HỌC

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng trường tiểu học lưu ý thực hiện:

1. Hội đồng chấm kiểm tra định kì cuối học kì II lớp 5 trường tiểu học gửi báo cáo thống kê điểm chấm bài kiểm tra môn tiếng Việt và môn Toán về Ban Chỉ đạo kiểm tra Quận 7 ngay khi kết thúc chấm tại trường.

2. Giáo viên chủ nhiệm khối lớp 5 lập danh sách ghi nhận những học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt, Toán, tiếng Anh hoặc đạt thành tích nổi bật trong tham gia phong trào để bổ sung hồ sơ bàn giao chất lượng giáo dục cho trường trung học cơ sở.

3. Hoàn tất hồ sơ xét học sinh lớp 5 HT CTTH trước ngày 25/5/2024.

4. Thực hiện ngày lễ “Hoàn thành chương trình Tiểu học”, phối hợp với các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tiến hành hoạt động giới thiệu “Ngôi trường Tiểu học của em”, đồng thời báo cáo lịch tổ chức về Phòng Giáo dục và Đào tạo. Các trường cần xây dựng kế hoạch cụ thể, gắn với yêu cầu thực hiện công tác phổ cập, kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh đầu cấp năm học 2024 - 2025 của quận; phải đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả và an toàn trong quá trình thực hiện;

5. Thực hiện Báo cáo tổng kết cuối năm học. Nội dung báo cáo cần tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm mà kế hoạch năm học đã đề ra, đặc biệt quan tâm báo cáo việc thực hiện đổi mới sinh hoạt chuyên môn, chuyển đổi số trong dạy và học, xây dựng trường hạnh phúc, các chuyên đề đã triển khai và đánh giá hiệu quả.

Lưu ý: Cuối báo cáo tổng kết, tóm tắt các nội dung hoạt động nổi bật của trường trong năm học (từ 15-20 dòng) và gửi kèm 2 - 3 tập tin ảnh cho mỗi hoạt động nổi bật (vui lòng đặt tên tập tin bằng tên của hoạt động).

6. Tổng hợp, đánh giá kết quả kiểm tra định kì cuối học kì II; gửi văn bản báo cáo tổng kết năm học và thống kê về tổ Tiểu học Phòng Giáo dục và Đào tạo ngày 25/5/2024.

7. Hiệu trưởng chỉ đạo việc nhập liệu, kiểm dò, hoàn thành các báo cáo thống kê trước ngày 25/5/2024, cần phân công và giao trách nhiệm cụ thể đối với người phụ trách nhập liệu.

8. Các trường tổ chức Lễ tổng kết, Lễ ra trường cho học sinh lớp 5 từ 25/5/2024 đến 31/5/2024.

9. Các trường thực hiện 01 clip hình ảnh hoạt động trong năm học để phục vụ Hội nghị tổng kết năm học 2023 - 2024 và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 của ngành - upload lên Google Drive và gửi link về Phòng Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/6/2024.

10. Các trường xây dựng kế hoạch chuẩn bị bồi dưỡng hè cho giáo viên, kế hoạch tuyển sinh, chuẩn bị nhân sự cho năm học mới, rà soát các điều kiện cho việc triển khai Chương trình GDPT 2018 và thay sách giáo khoa ở lớp 5 trong năm học 2024 - 2025.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các trường tiểu học triển khai đầy đủ nội dung, hướng dẫn cho hội đồng sư phạm nắm vững yêu cầu, nhiệm vụ được nêu trong văn bản này để thực hiện nghiêm túc đợt kiểm tra định kỳ cuối cuối học kì II và tổng kết năm học 2023 - 2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Giáo dục Tiểu học SGD (để báo cáo);
- Trưởng phòng (để báo cáo);
- Lưu: VT.



Hà Thanh Hải



PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 639/GDDĐT-TH ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận)

1. TIẾNG VIỆT

Thực hiện theo hướng dẫn tại mục 2 và 3 của Phụ lục 1, công văn số 4567/SGDDĐT-GDTH ngày 21/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023-2024; Kế hoạch số 1209/KH-GDDĐT-TH ngày 25/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7 về thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024.

2. TOÁN

2.1. Về ma trận

Ma trận được xây dựng cần có sự bàn bạc, thống nhất trong tổ, khối chuyên môn.

Tỉ lệ giữa các mức độ nhận thức đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4: mức 1 khoảng 50%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%.

Tỉ lệ giữa các mức độ nhận thức đối với lớp 5: mức 1 khoảng 40%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%, mức 4 khoảng 10%.

Thiết kế ma trận ngay từ đầu năm học cho các chặng, từ đó xác định những yêu cầu cần đạt; kiến thức, kỹ năng cần đánh giá ở mỗi kì theo các bước cơ bản như sau:

+ Liệt kê tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức cần kiểm tra;

+ Viết các yêu cầu cần đạt, kiến thức kỹ năng cần đánh giá đối với mỗi cấp độ nhận thức, đồng thời căn cứ theo lượng kiến thức học sinh được tiếp nhận tính đến cuối năm (dựa vào kế hoạch dạy học môn học của tổ khối của từng trường).

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
				Đối với lớp 5
....				

+ Quyết định phân phối tỉ lệ % điểm cho mỗi chủ đề, nội dung, mạch kiến thức; tỉ lệ phần trăm số câu và số điểm cho mỗi mức độ nhận thức.

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	TỔNG CỘNG
	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Đối với lớp 5	Số điểm Tỉ lệ
...	...	...	...		...
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	Số câu Số điểm Tỉ lệ	Số câu Số điểm Tỉ lệ	Số câu Số điểm Tỉ lệ	Số câu Số điểm Tỉ lệ	Số câu Số điểm Tỉ lệ

+ Tính tổng số điểm, tổng số câu hỏi cho mỗi cột và kiểm tra tỉ lệ phần trăm tổng số điểm phân phối cho mỗi cột.

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		TỔNG CỘNG	
	TN	TL	TN	TL	TN	TL			TN	TL
	Số câu						Đối với lớp 5			
...	Số điểm									
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %										

+ Đánh giá, rà soát lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

2.2. Về nội dung

Căn cứ vào ma trận đã thiết kế để xây dựng hệ thống câu hỏi, nên đa dạng hình thức trắc nghiệm. Nội dung cần tập trung kiểm tra sẽ được ưu tiên chọn trước, các nội dung khác sẽ được cân nhắc lựa chọn sau.

Các câu hỏi phải đảm bảo tính chặt chẽ, logic với câu lệnh rõ ràng, đủ ý, tránh những câu hỏi, bài tập không rõ ràng hoặc có đáp án không tường minh, gây tranh cãi.

Thiết kế đề đánh giá định kì theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh. Số lượng câu hỏi phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi nội dung cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng mức độ nhận thức.

Đối chiếu từng nội dung kiểm tra với bảng tiêu chí quy định các mức độ nhận thức theo Thông tư 27 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4; theo Thông tư 22 đối với lớp 5 để quyết định câu hỏi ở mức độ nhận thức nào. Mỗi mức độ nhận thức phải đảm bảo phân hóa được đối tượng học sinh trong quá trình đánh giá.

2.3. Về hình thức

Hình thức kiểm tra: kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận trong đó trắc nghiệm khoảng 30%, tự luận khoảng 70%.

Bài kiểm tra định kỳ cần được thiết kế khoa học, các hình ảnh được chọn lọc rõ ràng, mang tính giáo dục.

2.4. Về đáp án và biểu điểm chấm

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết. Đối với câu tự luận, căn cứ yêu cầu cần đạt; chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra để chia nhỏ thang điểm ở từng nội dung cho thích hợp.

Thang điểm 10 là thang điểm cho toàn bài, mỗi ý hoặc câu hỏi có thể có giá trị điểm nhỏ nhất là 0,5.

3. MÔN TỰ NHIÊN XÃ HỘI (LỚP 1, 2, 3) VÀ MÔN KHOA HỌC, LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ (LỚP 4, 5)

3.1. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tự nhiên và Xã

hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3

Một số đặc trưng của đánh giá phẩm chất, năng lực trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3:

- Quan tâm đánh giá phẩm chất của học sinh, chú trọng đến năng lực cá nhân, khuyến khích học sinh thể hiện cá tính và năng lực bản thân. Các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm* của học sinh được đánh giá chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của học sinh khi tham gia các hoạt động học tập của bài học.

- Đa dạng hoá các hình thức và công cụ đánh giá học sinh: Đánh giá qua lời nói, trả lời câu hỏi; Đánh giá qua phiếu bài tập, bài tự luận, trắc nghiệm...; Đánh giá các sản phẩm quan sát, thực hành của nhóm, cá nhân; Đánh giá qua việc quan sát HS tham gia các hoạt động; Đánh giá qua sự phản hồi của các lực lượng giáo dục...

- Kết hợp đánh giá quá trình làm việc cá nhân với đánh giá sự hợp tác và làm việc nhóm, tập thể của học sinh.

- Không chỉ quan tâm đến kết quả của hoạt động mà còn chú trọng đến quá trình tạo ra sản phẩm của hoạt động, coi trọng ý tưởng sáng tạo, tinh thần làm việc để tạo ra sản phẩm trong quá trình học tập. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì sau từng chủ đề nhằm điều chỉnh quá trình dạy học.

- Trọng tâm đánh giá môn học nhấn mạnh đến đánh giá năng lực của người học.

- Khuyến khích tự đánh giá và đánh giá chéo của cá nhân và các nhóm học sinh ở những thời điểm khác nhau trong quá trình dạy học. Đặc biệt là đánh giá cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên, xã hội và cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

- Đánh giá năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội: Căn cứ vào những biểu hiện cụ thể của năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội, giáo viên có thể thiết kế các câu hỏi, các bài tập để đánh giá năng lực khoa học của học sinh.

- + *Năng lực nhận thức khoa học*: Có thể đánh giá thông qua việc yêu cầu học sinh nêu, mô tả, trình bày được một số sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh; so sánh, lựa chọn và phân loại được các sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí.

- + *Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh*: Có thể đánh giá thông qua việc học sinh đặt được câu hỏi, nêu thắc mắc về một số sự vật, hiện tượng; quan sát và tiến hành được các thao tác thực hành để nhận xét về đặc điểm của các sự vật, hiện tượng và mối quan hệ giữa chúng trong tự nhiên và xã hội.

- + *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*: Có thể đánh giá thông qua việc học sinh giải thích, phân tích một số tình huống có liên quan đến bài học; nhận xét, đánh giá cách ứng xử của mọi người xung quanh; nêu và thực

hiện được cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống và chia sẻ với mọi người xung quanh cùng thực hiện.

3.2. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí lớp 4, lớp 5

3.2.1. Lưu ý chung

Đối với kiểm tra định kì cuối năm, học sinh làm một bài kiểm tra môn Khoa học, một bài kiểm tra cho môn Lịch sử và Địa lí.

Đối với môn Lịch sử và Địa lí cần đưa nội dung Giáo dục địa phương vào đề KTĐK.

3.2.2. Thời gian làm kiểm tra

35 phút mỗi môn.

3.2.3. Về hình thức đề kiểm tra

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: Câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận. Thực hiện soạn đề theo ma trận có 3 mức độ đối với lớp 4 theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT và 4 mức độ đối với lớp 5 theo Thông tư 22/2014/TT-BGDĐT.

- Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

3.2.4. Cấu trúc và biểu điểm chấm

3.2.4.1. Môn Khoa học

- Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết hoặc viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...).

- Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

3.2.4.2. Môn Lịch sử và Địa lí đối với lớp 4

- Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết hoặc viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...).

- Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

3.2.4.3. Môn Lịch sử và Địa lí đối với lớp 5

Mỗi nội dung Lịch sử, Địa lí chiếm 50% số điểm và lượng kiến thức của bài kiểm tra.

- Phần Lịch sử (5 điểm):

+ Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

+ Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Phần Địa lí (5 điểm):

+ Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

+ Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Câu hỏi trắc nghiệm gồm cả phần Lịch sử và Địa lí cần có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết hoặc viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...).

- Ở mức 4 chỉ nên sử dụng 01 câu – hoặc nội dung Lịch sử hoặc nội dung Địa lí.

4. MÔN TIN HỌC VÀ MÔN CÔNG NGHỆ (LỚP 3 VÀ LỚP 4)

4.1. Về ma trận

Căn cứ vào nội dung chương trình để xây dựng ma trận và nội dung đề kiểm tra. Giáo viên xây dựng ma trận môn tin học và môn công nghệ theo 3 mức độ đối với lớp 3, 4 (riêng môn tin học lớp 5 xây dựng 4 mức độ) trước khi thực hiện soạn đề kiểm tra.

4.2. Về nội dung

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em; đảm bảo công bằng, khách quan và toàn diện.

Đối với môn Tin học ở lớp 1, 2: Đây là hoạt động giáo dục theo nhu cầu, do đó việc tổ chức kiểm tra chỉ nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Nội dung kiểm tra xoay quanh các năng lực học sinh đã được làm quen.

Đối với môn Tin học lớp 3, lớp 4: Môn Tin học là môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 ở lớp 3 kể từ năm học 2022-2023 và lớp 4 từ năm học 2023-2024 với điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Đề kiểm tra môn Tin học xoay quanh các nội dung học sinh được học, có liên quan đến những vấn đề thực tế, xung quanh cuộc sống của học sinh. Các bài tập thực hành mang tính vừa sức, không đánh đố.

Đối với môn Tin học ở lớp 5: Đây là môn học tự chọn trong Chương trình Giáo dục Phổ thông theo Quyết định 16/2006, do đó tổ chức kiểm tra lấy điểm, kết quả kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh (đối với các học sinh có đăng ký học tự chọn môn Tin học). Nội dung kiểm tra bám sát kiến thức, kĩ năng học sinh được học trong học kì.

Đối với môn Công nghệ lớp 3, lớp 4: Đây là môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Đề kiểm tra môn Công nghệ chú trọng đến khả năng vận dụng kiến thức vào xử lí các vấn đề trong thực tế, việc sử dụng các thiết bị công nghệ hằng ngày trong đời thường của học sinh.

4.3. Về hình thức

4.3.1. Môn Tin học

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy theo tỉ lệ:

+ Trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ:

+ Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20% (đối với lớp 1, 2, 3, 4)

+ Mức 1: 40%, mức 2: 30%, mức 3: 20%, mức 4: 10%, (đối với lớp 5)

4.3.2. Môn Công nghệ (lớp 3, lớp 4)

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc sản phẩm dự án theo tỉ lệ:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

- + Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm)
- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%.

5. NGOẠI NGỮ 1

5.1. Về ma trận:

Xây dựng nội dung ma trận đề của từng khối lớp căn cứ vào nội dung dạy học và yêu cầu cần đạt/kiến thức, kĩ năng được quy định trong từng bộ tài liệu sách giáo khoa chính thức, không sử dụng nội dung trong các tài liệu/phần mềm hỗ trợ, để xác định yêu cầu cần đạt.

Phạm vi và nội dung kiểm tra đến thời điểm kết thúc năm học:

- Số lượng câu hỏi môn ngoại ngữ 1 dành cho khối lớp 1, 2, 3, 4 theo tỉ lệ mức độ sau:

- + Mức 1: khoảng 50%,
- + Mức 2: khoảng 30%,
- + Mức 3: khoảng 20%.

- Số lượng câu hỏi môn ngoại ngữ 1 dành cho khối lớp 5 theo tỉ lệ mức độ sau:

- + Mức 1: khoảng 40%,
- + Mức 2: khoảng 30%,
- + Mức 3: khoảng 20%.
- + Mức 4: khoảng 10%.

5.2. Về nội dung:

Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc các cấp tiểu học. Chỉ thực hiện việc kiểm tra định kì đối với môn Ngoại ngữ 1 ở khối lớp 3, 4 và 5; đối với khối lớp 1 và 2 chỉ tổ chức kiểm tra nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong năm học của học sinh.

Chú ý: chỉ sử dụng các sách giáo khoa đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định mà nhà trường chọn dạy cho học sinh, không sử dụng các nội dung của các tài liệu hỗ trợ làm đề kiểm tra cuối năm cho học sinh.

5.3. Về hình thức:

Kiểm tra 04 kĩ năng: nghe, nói, đọc và viết. Cụ thể:

- Thời lượng cho kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết là 35 phút.
- Thời lượng cho kiểm tra kỹ năng nói khoảng tối đa 3 phút/học sinh.

5.4. Về đáp án và biểu điểm chấm

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết; đặc biệt với kỹ năng nói.

Thang điểm 10 là thang điểm cho mỗi kỹ năng (có thể có điểm lẻ 0,5 cho mỗi kỹ năng). Điểm ghi vào học bạ sẽ là điểm trung bình đã làm tròn số của 4 kỹ năng trên.

